

ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH QUẢNG TRỊ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: *48* /GPMT-UBND

Quảng Trị, ngày *29* tháng *01* năm 2026

GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG TRỊ

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16 tháng 6 năm 2025;

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 17 tháng 11 năm 2020;

Căn cứ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường; được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06 tháng 01 năm 2025 của Chính phủ;

Căn cứ Nghị định số 131/2025/NĐ-CP ngày 12 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ quy định phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương 02 cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Nông nghiệp và Môi trường;

Căn cứ Nghị định số 136/2025/NĐ-CP ngày 12 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ quy định phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực nông nghiệp và môi trường;

Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường; được sửa đổi, bổ sung bởi Thông tư số 07/2025/TT-BTNMT ngày 28 tháng 02 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường;

Xét Văn bản đề nghị cấp Giấy phép môi trường của Công ty TNHH Môi trường Xanh Miền Trung số 512/2025/CV-MTX ngày 05 tháng 12 năm 2025, số 12/2026/CV-MTX ngày 12 tháng 01 năm 2026;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường tại Tờ trình số 84/TTr-SNNMT ngày 19 tháng 01 năm 2026.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Cấp phép cho Công ty TNHH Môi trường Xanh Miền Trung, địa chỉ tại xã Trung Thuần, tỉnh Quảng Trị được thực hiện các hoạt động bảo vệ môi trường của Dự án “Nhà máy xử lý rác thải sinh hoạt huyện Quảng Trạch và thị xã Ba Đồn” với các nội dung như sau:

1. Thông tin chung của Dự án:

1.1. Tên Dự án: Nhà máy xử lý rác thải sinh hoạt huyện Quảng Trạch và thị xã Ba Đồn

1.2. Địa điểm hoạt động: Thôn Phù Lưu, xã Trung Thuần, tỉnh Quảng Trị.

1.3. Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 3101022051; đăng ký lần đầu ngày 21/10/2016 và đăng ký thay đổi lần thứ 16 ngày 03/11/2025; Nơi cấp: Phòng Đăng ký Kinh Doanh, Sở Tài chính tỉnh Quảng Trị.

1.4. Mã số thuế: 3101022051

1.5. Loại hình sản xuất, kinh doanh, dịch vụ: Xử lý rác thải sinh hoạt và rác thải công nghiệp thông thường.

1.6. Phạm vi, quy mô, công suất của Dự án:

- Dự án có tiêu chí nhóm C (phân loại theo tiêu chí quy định của pháp luật về đầu tư công). Dự án có tiêu chí môi trường như dự án nhóm II theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ Quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường; được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06 tháng 01 năm 2025 của Chính phủ.

- Tổng diện tích: 42.942,4 m².

- Quy mô công suất: 200 tấn/ngày.

- Quy trình công nghệ sản xuất:

+ Quy trình tiếp nhận phân loại rác: Rác thải sinh hoạt và rác thải công nghiệp thông thường → Trạm cân → Khu tiếp nhận rác → Phân loại thủ công → Máy xé, nghiền rác → Sàng phân loại tự động → Rác thải sau phân loại (gồm Nhóm 1 - Rác hữu cơ; Nhóm 2 - Rác nhẹ (nilon); Nhóm 3 - Rác thải có khả năng tái chế làm nhiên liệu đốt (nhựa, giấy - rác RDF) và Nhóm 4 - Rác trơ (kim loại, thủy tinh, đá, sỏi,...)).

+ Quy trình sản xuất mùn hữu cơ: Rác hữu cơ sau phân loại (rác nhóm 1) → Phối trộn với men vi sinh → Ủ lóong → Sàng lòng → Máy nghiền → Lọc mùn → Mùn hữu cơ → Đóng bao → Lưu kho, xuất bán.

+ Quy trình sản xuất nhiên liệu đốt thay thế (RDF): Một phần rác nhẹ (rác nhóm 2); Rác thải có khả năng làm nhiên liệu đốt (rác nhóm 3) → Máy nghiền → Đóng bao hoặc ép thành kiện → Lưu kho, xuất bán.

2. Nội dung cấp phép môi trường và yêu cầu về bảo vệ môi trường kèm theo

2.1. Được phép xả nước thải ra môi trường và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 1 ban hành kèm theo Giấy phép môi trường này.

2.2. Bảo đảm giá trị giới hạn đối với tiếng ồn, độ rung và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 2 ban hành kèm theo Giấy phép môi trường này.

2.3. Yêu cầu về quản lý chất thải, phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường quy định tại Phụ lục 3 ban hành kèm theo Giấy phép môi trường này.

2.4. Yêu cầu khác về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 4 ban hành kèm theo Giấy phép môi trường này.

Điều 2. Quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của Công ty TNHH Môi trường Xanh Miền Trung:

1. Có quyền, nghĩa vụ theo quy định tại Điều 47 Luật Bảo vệ môi trường.
2. Công ty TNHH Môi trường Xanh Miền Trung có trách nhiệm:
 - 2.1. Chỉ được phép thực hiện các nội dung cấp phép sau khi đã hoàn thành các công trình bảo vệ môi trường tương ứng.
 - 2.2. Vận hành thường xuyên, đúng quy trình các công trình xử lý chất thải bảo đảm chất thải sau xử lý đạt quy chuẩn kỹ thuật môi trường; có biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung đáp ứng yêu cầu bảo vệ môi trường; quản lý chất thải theo quy định của pháp luật. Chịu trách nhiệm trước pháp luật khi chất ô nhiễm, tiếng ồn, độ rung không đạt yêu cầu cho phép tại Giấy phép môi trường này và phải dừng ngay việc xả nước thải, khí thải, phát sinh tiếng ồn, độ rung để thực hiện các biện pháp khắc phục theo quy định của pháp luật.
 - 2.3. Thực hiện đúng, đầy đủ các yêu cầu về bảo vệ môi trường trong Giấy phép môi trường này và các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.
 - 2.4. Báo cáo kịp thời về cơ quan cấp giấy phép môi trường, cơ quan chức năng ở địa phương nếu xảy ra các sự cố đối với các công trình xử lý chất thải, sự cố khác dẫn đến ô nhiễm môi trường.
 - 2.5. Trong quá trình thực hiện nếu có thay đổi khác với các nội dung quy định tại Giấy phép môi trường này, phải kịp thời báo cáo đến cơ quan cấp phép.

Điều 3. Thời hạn của Giấy phép: 10 năm, kể từ ngày ký Giấy phép này.

Điều 4. Giấy phép môi trường này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Giao Sở Nông nghiệp và Môi trường chủ trì, phối hợp với UBND xã Trung Thuần và các cơ quan, đơn vị, địa phương liên quan tổ chức kiểm tra việc thực hiện các nội dung quy định tại Giấy phép môi trường này, yêu cầu bảo vệ môi trường đối với dự án được cấp phép theo quy định của pháp luật./.

Nơi nhận:

- CT, các PCT UBND tỉnh;
- Sở Nông nghiệp và Môi trường;
- Sở Xây dựng;
- Sở Tài chính;
- UBND xã Trung Thuần;
- Công ty TNHH Môi trường Xanh Miền Trung;
- VPUB: CVP, PCVP Nguyễn Cửu;
- Cổng thông tin điện tử tỉnh;
- Lưu: VT, NNMT. *TC*

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Hoàng Nam

Phụ lục 1
NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI VÀO NGUỒN NƯỚC VÀ YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI
(Kèm theo Giấy phép môi trường số: **118** /GPMT-UBND
ngày **29** tháng **01** năm 2026 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Trị)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI:

1. Nguồn phát sinh nước thải:

1.1. Nước thải sinh hoạt

- Nguồn số 01: Nước thải sinh hoạt

1.2. Nước thải sản xuất

- Nguồn số 02: Nước thải từ khu vực nhà xưởng tiếp nhận và phân loại rác.

- Nguồn số 03: Nước thải từ khu vực nhà xưởng phân loại và lưu chứa rác.

- Nguồn số 04: Nước thải từ khu vực nhà xưởng sản xuất mùn hữu cơ.

2. Dòng nước thải xả vào nguồn nước tiếp nhận, nguồn tiếp nhận nước thải, vị trí xả nước thải

2.1. Nguồn tiếp nhận nước thải: Khe nước tự nhiên phía Đông Bắc Dự án, thôn Phù Lưu, xã Trung Thuần, tỉnh Quảng Trị.

2.2. Vị trí xả nước thải: Tại thôn Phù Lưu, xã Trung Thuần, tỉnh Quảng Trị. Tọa độ vị trí xả nước thải (theo hệ tọa độ VN 2000, kinh tuyến trực 106^0 , múi chiều 3^0) cụ thể như sau: $X(m) = 1973178$; $Y(m) = 540769$.

2.3. Lưu lượng xả nước thải lớn nhất: Tổng lưu lượng xả nước thải lớn nhất: $15 \text{ m}^3/\text{ngày đêm}$.

2.4. Phương thức xả nước thải: Nước thải sau khi xử lý đạt QCVN 40:2025/BTNMT (Cột B, $F \leq 2.000$) để tái sử dụng cho mục đích sản xuất. Trong trường hợp không tái sử dụng hết, nước thải được bơm xả ra khe nước tự nhiên phía Đông Bắc Dự án. Phương thức xả tại vị trí xả nước thải vào nguồn nước là xả mặt, xả ven bờ.

2.5. Chế độ xả nước thải: Gián đoạn.

2.6. Chất lượng nước thải trước khi xả vào nguồn nước tiếp nhận phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và QCVN 40:2025/BTNMT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải công nghiệp (Cột B, $F \leq 2.000$), cụ thể như sau:

TT	Chất ô nhiễm	Đơn vị tính	Giá trị giới hạn cho phép	Tần suất quan trắc định kỳ
1	BOD ₅	mg/l	≤ 60	
2	COD	mg/l	≤ 90	
3	Tổng chất rắn lơ lửng (TSS)	mg/l	≤ 80	

TT	Chất ô nhiễm	Đơn vị tính	Giá trị giới hạn cho phép	Tần suất quan trắc định kỳ
4	pH	-	6 - 9	
5	Nhiệt độ	°C	≤ 40	
6	Tổng Nitơ (T-N)	mg/l	≤ 40	
7	Tổng Phốt pho (T-P)	mg/l	≤ 6	
8	Tổng Coliform	MPN hoặc CFU/100 ml	≤ 5 000	
9	Độ màu	Pt/Co	≤ 100	
10	Asen (As)	mg/l	≤ 0,25	
11	Thủy ngân (Hg)	mg/l	≤ 0,005	
12	Chì (Pb)	mg/l	≤ 0,5	
13	Cadmi (Cd)	mg/l	≤ 0,1	
14	Crom VI (Cr ⁶⁺)	mg/l	≤ 0,5	
15	Tổng Crom (Cr)	mg/l	≤ 2,0	
16	Đồng (Cu)	mg/l	≤ 3,0	
17	Kẽm (Zn)	mg/l	≤ 5,0	
18	Niken (Ni)	mg/l	≤ 3,0	
19	Mangan (Mn)	mg/l	≤ 10	
20	Sắt (Fe)	mg/l	≤ 10	
21	Xianua (CN ⁻)	mg/l	≤ 1,0	
22	Amoni (N-NH ₄ ⁺), tính theo N	mg/l	≤ 10	
23	Phenol (C ₆ H ₅ OH)	mg/l	≤ 0,5	
24	Tổng Phenol	mg/l	≤ 3,0	
25	Dầu mỡ khoáng	mg/l	≤ 5,0	
26	Dầu mỡ động thực vật	mg/l	≤ 30	
27	Sunfua (S ²⁻)	mg/l	≤ 0,5	
28	Florua (F ⁻)	mg/l	≤ 15	
29	Clorua (Cl ⁻)	mg/l	≤ 1.000	
30	Clo dư	mg/l	≤ 2,0	
31	Tổng hóa chất bảo vệ thực vật Clo hữu cơ, tính theo các cấu tử: Aldrin, Lindane, Dieldrin, Tổng DDT (bao gồm: DDT, DDD, DDE), Heptachlor & Heptachlor epoxide	mg/l	≤ 0,1	

TT	Chất ô nhiễm	Đơn vị tính	Giá trị giới hạn cho phép	Tần suất quan trắc định kỳ
32	Tổng hóa chất bảo vệ thực vật Photpho hữu cơ, tính theo các cấu tử: Dimethoate, Diazinone, Ethyl-parathion, Monocrotophos, Methamidophos, Phosphamidon, Trichlorfon, Disulfoton, Phorate, Methyl-Parathion	mg/l	$\leq 1,0$	
33	PCB (Polychlorinated biphenyls), tính theo các cấu tử: PCB 28, PCB 52, PCB 101, PCB 138, PCB 153, PCB 180	mg/l	$\leq 0,003$	
34	Halogen hữu cơ dễ bị hấp thụ (AOX)	mg/l	≤ 15	
35	Chất hoạt động bề mặt anion	mg/l	$\leq 5,0$	
36	Chloroform (CHCl_3)	mg/l	$\leq 0,8$	

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI:

1. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý nước thải:

1.1. Mạng lưới thu gom nước thải từ các nguồn phát sinh nước thải để đưa về hệ thống xử lý nước thải:

* Đối với nước thải sinh hoạt

- Nguồn số 01:

+ Nước thải đen: Được thu gom xử lý qua bể tự hoại, sau đó dẫn về hệ thống xử lý nước thải tập trung của Dự án để tiếp tục xử lý. Dự án đã bố trí 01 bể tự hoại thể tích 10m^3 .

+ Nước thải xám: Được thu gom về hệ thống xử lý nước thải tập trung của Dự án để xử lý.

+ Nước thải nhà bếp: Được thu gom qua bể tách dầu mỡ có thể tích 4m^3 , sau đó dẫn về hệ thống xử lý nước thải tập trung của Dự án để xử lý.

** Đối với nước thải sản xuất*

- Nguồn số 02 (Từ khu vực nhà xưởng tiếp nhận và phân loại rác): Thu gom về hồ thu 2 ngăn ở cuối nhà xưởng có thể tích 6m^3 , sau đó bơm về hệ thống xử lý nước thải tập trung của Dự án để xử lý.

- Nguồn số 03 (Từ khu vực nhà xưởng phân loại và lưu chứa rác): Được thu gom theo tuyến thu gom bằng BTCT chạy dọc giữa nhà xưởng để thu gom về hồ thu có thể tích 6m^3 bố trí ở góc nhà xưởng, sau đó được bơm về hệ thống xử lý nước thải tập trung của Dự án để xử lý.

- Nguồn số 04 (Từ khu vực nhà xưởng sản xuất mùn hữu cơ): Được thu gom theo tuyến thu gom bằng BTCT chạy dọc giữa nhà xưởng để thu gom về hồ thu có thể tích 6m^3 bố trí ở góc nhà xưởng, sau đó được bơm về hệ thống xử lý nước thải tập trung của Dự án để xử lý.

1.2. Công trình, thiết bị xử lý nước thải:

1.2.1. Tóm tắt quy trình công nghệ hệ thống xử lý nước thải tập trung của dự án:

Nước thải → Hồ thu → Bể nâng pH → Bể điều hòa → Bể sinh học hiếu khí MBBR → Bể lắng sơ cấp → Bể điều chỉnh pH kết hợp keo tụ CaCO_3 → Cụm fenton 2 bậc → Bể keo tụ → Bể lắng thứ cấp → Bể lọc và khử trùng → Bể chứa nước thải sau xử lý.

1.2.2. Công suất thiết kế: $15\text{m}^3/\text{ngày đêm}$

1.2.3. Hóa chất, vật liệu sử dụng: Vôi, H_2SO_4 , H_2O_2 , Na_2CO_3 , FeSO_4 , PAC, Polymer, Chlorine hoặc hóa chất tương đương.

1.3. Biện pháp, công trình, thiết bị phòng ngừa, ứng phó sự cố:

- Vận hành hệ thống xử lý nước thải đúng quy trình kỹ thuật.

- Thường xuyên kiểm tra, bảo dưỡng và duy tu định kỳ hệ thống xử lý nước thải và hệ thống thoát nước.

- Trang bị các phương tiện, thiết bị dự phòng cần thiết để ứng phó, khắc phục sự cố của hệ thống xử lý.

2. Kế hoạch vận hành thử nghiệm:

2.1. Thời gian vận hành thử nghiệm: Dự kiến từ tháng 02/2026 đến hết tháng 05/2026.

2.2. Công trình, thiết bị xả nước thải phải vận hành thử nghiệm: Hệ thống xử lý nước thải được nêu tại mục 1.2 Phần B Phụ lục này.

2.2.1. Vị trí lấy mẫu:

- Vị trí lấy mẫu đầu vào: Tại hồ bơm nước thải trước xử lý; Toạ độ theo hệ VN 2000, múi chiếu 3^0 , kinh tuyến 106^0 : X(m): 1973104; Y(m): 540838.

- Vị trí lấy mẫu đầu ra: Tại bể chứa nước thải sau xử lý; Toạ độ theo hệ VN 2000, múi chiếu 3^o, kinh tuyến 106^o: X(m): 1973195; Y(m): 540789.

2.2.2. **Chất ô nhiễm và giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm:** Trong quá trình vận hành thử nghiệm chủ dự án phải giám sát chất ô nhiễm có trong dòng nước thải và đánh giá hiệu quả xử lý của hệ thống xử lý nước thải theo giá trị giới hạn cho phép xả thải ra môi trường theo quy định tại Mục 2.6 Phần A Phụ lục này.

2.3. **Tần suất lấy mẫu:** Chủ dự án tự quyết định nhưng phải đảm bảo quan trắc ít nhất 3 mẫu đơn trong 03 ngày liên tiếp của giai đoạn vận hành ổn định (01 mẫu nước thải đầu vào và 03 mẫu nước thải đầu ra) theo quy định tại khoản 5 Điều 21 Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường (Nay là Bộ Nông nghiệp và Môi trường) được sửa đổi, bổ sung tại Thông tư số 07/2025/TT-BTNMT.

3. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường:

3.1. Thu gom, xử lý nước thải phát sinh từ hoạt động của Dự án bảo đảm đáp ứng quy định về giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm tại Phần A Phụ lục này trước khi xả thải ra ngoài môi trường.

3.2. Các điều kiện liên quan đến bảo vệ môi trường kèm theo.

- Thực hiện đầy đủ, nghiêm túc các biện pháp bảo vệ môi trường trong quá trình vận hành; đảm bảo không gây ảnh hưởng đến chất lượng môi trường và cộng đồng dân cư xung quanh.

- Đảm bảo hệ thống thu gom thoát nước mưa độc lập với hệ thống thu gom, xả nước thải sau xử lý đúng theo quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

- Thời gian vận hành thử nghiệm thực hiện theo quy định tại khoản 6 điều 31 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường được sửa đổi, bổ sung tại khoản 13 Điều 1 Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06 tháng 01 năm 2025 của Chính phủ.

- Trong quá trình vận hành thử nghiệm phải thực hiện các nội dung theo quy định tại khoản 7 và khoản 8 điều 31 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường được sửa đổi, bổ sung tại khoản 13 Điều 1 Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06 tháng 01 năm 2025 của Chính phủ.

- Tuân thủ các yêu cầu về phòng ngừa, ứng cứu sự cố, an toàn trong quá trình hoạt động của Dự án đúng theo quy định của pháp luật hiện hành. Thực hiện các biện pháp phòng ngừa và ứng phó sự cố theo đúng trong Báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường và quy định pháp luật về môi trường có liên quan.

- Trong quá trình hoạt động, nếu để xảy ra sự cố gây ảnh hưởng xấu đến chất lượng môi trường và sức khỏe cộng đồng, Chủ dự án phải dừng ngay các hoạt động của Dự án; tổ chức ứng cứu khắc phục sự cố; đồng thời, báo cáo kịp thời về Sở Nông nghiệp và Môi trường, UBND xã Trung Thuận và các cơ quan, đơn vị,

địa phương liên quan để phối hợp giải quyết; chịu trách nhiệm khắc phục sự cố môi trường, bồi thường toàn bộ thiệt hại theo đúng quy định của pháp luật.

- Có sổ nhật ký vận hành, ghi chép đầy đủ thông tin của quá trình vận hành hệ thống xử lý nước thải.

- Thường xuyên kiểm tra hệ thống xử lý nước thải để kịp thời phát hiện và có biện pháp xử lý khi gặp sự cố.

- Bố trí đủ nguồn lực, thiết bị để thường xuyên vận hành hiệu quả hệ thống thu gom, xử lý nước thải.

3.3. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường khác.

Giám sát, thực hiện, bảo đảm toàn bộ nước thải phát sinh trong quá trình vận hành đều được thu gom, xử lý đáp ứng quy chuẩn quốc gia về môi trường hiện hành; thu gom nước mưa chảy tràn khu vực dự án, đảm bảo không làm ảnh hưởng đến chất lượng nước mặt và hệ sinh thái khu vực; đáp ứng các yêu cầu về an toàn vệ sinh môi trường và tuân thủ các quy định tại Luật Bảo vệ môi trường và các quy định liên quan. Chủ dự án chịu hoàn toàn trách nhiệm khi xả nước thải không đảm bảo các yêu cầu, phải dừng ngay việc xả thải để thực hiện các biện pháp khắc phục theo đúng quy định pháp luật.

Phụ lục 2
BẢO ĐẢM GIỚI HẠN ĐỐI VỚI TIẾNG ỒN, ĐỘ RUNG VÀ
CÁC YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

(Kèm theo Giấy phép môi trường số **188** /GPMT-UBND
 ngày **29** tháng **01** năm 2026 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Trị)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP VỀ TIẾNG ỒN, ĐỘ RUNG:

1. Nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung:

- Nguồn số 01: Tại khu vực nhà xưởng tiếp nhận và phân loại rác.
- Nguồn số 02: Tại khu vực nhà xưởng phân loại và lưu chứa rác.
- Nguồn số 03: Tại khu vực nhà xưởng sản xuất mùn hữu cơ.

2. Tiếng ồn, độ rung phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và QCVN 26:2025/BNNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn; QCVN 27:2025/BNNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung; cụ thể như sau:

3.1. Tiếng ồn:

TT	Thời gian áp dụng trong ngày và giới hạn mức ồn cho phép (dBA)			Tần suất quan trắc định kỳ	Ghi chú
	Ngày (06h00 đến trước 18h00)	Tối (18h00 đến trước 22h00)	Đêm (22h00 đến trước 06h00)		
1	70	65	60	-	Khu vực E

3.2. Độ rung:

TT	Thời gian áp dụng trong ngày và mức gia tốc rung cho phép (dB)		Tần suất quan trắc định kỳ	Ghi chú
	Ngày (06h00 đến trước 22h00)	Đêm (22h00 đến trước 06h00)		
1	75	70	-	Khu vực D

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI TIẾNG ỒN, ĐỘ RUNG:

1. Công trình, biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung:

- Chú trọng công tác bảo dưỡng thiết bị định kỳ; thường xuyên kiểm tra tình trạng hoạt động của các trang thiết bị, độ mòn chi tiết. Đồng thời, tiến hành bảo trì, bảo dưỡng, cho dầu bôi trơn hoặc thay các chi tiết hư hỏng kịp thời. Lắp đặt đệm

chống rung tại chân máy móc, thiết bị. Đảm bảo động cơ hoạt động ổn định và hạn chế phát sinh tiếng ồn, độ rung.

- Vận hành máy móc, thiết bị đúng kỹ thuật.

2. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường:

Các nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung phải được giảm thiểu bảo đảm nằm trong giới hạn cho phép quy định tại Phần A Phụ lục này.



Phụ lục 3

YÊU CẦU VỀ QUẢN LÝ CHẤT THẢI, PHÒNG NGỪA VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG

(Kèm theo Giấy phép môi trường số **H1** /GPMT-UBND
ngày **29** tháng **01** năm 2026 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Trị)

A. QUẢN LÝ CHẤT THẢI

1. Chung loại, khối lượng chất thải phát sinh:

1.1. Khối lượng, chủng loại chất thải nguy hại phát sinh thường xuyên:

STT	Loại chất thải	Mã chất thải	Khối lượng (kg/năm)
1	Các loại dầu động cơ, hộp số và bôi trơn thải khác	17 02 04	300
2	Pin, ắc quy thải	16 01 12	8.050
3	Bóng đèn huỳnh quang và các loại thủy tinh hoạt tính thải	16 01 06	6.550
4	Bình chứa áp suất thải chưa bảo đảm rỗng hoàn toàn	19 05 01	30
	Tổng khối lượng		14.930

1.2. Khối lượng, chủng loại chất thải công nghiệp phải kiểm soát phát sinh thường xuyên:

STT	Tên chất thải	Mã chất thải	Khối lượng (kg/năm)
1	Hộp chứa mực in (loại có các thành phần nguy hại trong nguyên liệu sản xuất mực) thải	08 02 04	100
2	Bùn thải có các thành phần nguy hại từ quá trình xử lý nước thải công nghiệp	12 06 05	546
3	Bao bì cứng (đã chứa chất khi thải ra là CTNH) thải bằng vật liệu khác	18 01 04	30
4	Chất hấp thụ, vật liệu lọc (bao gồm cả vật liệu lọc dầu chưa nêu tại các mã khác), giẻ lau, vải bảo vệ thải bị nhiễm các thành phần nguy hại	18 02 01	200
	Tổng khối lượng		876

Thực hiện phân định, phân loại theo quy định tại Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT; được sửa đổi, bổ sung bởi Thông tư số 07/2025/TT-BTNMT. Trường hợp chất thải công nghiệp phải kiểm soát chưa được phân định thì được quản lý như chất thải nguy hại.

1.3. Khối lượng, chủng loại chất thải rắn công nghiệp thông thường phát sinh:

STT	Tên chất thải	Khối lượng (kg/năm)
1	Kim loại	218.400
2	Rác tro	7.280.000
3	Bùn thải bể tự hoại	7.644
4	Bùn nạo vét hệ thống thu gom, thoát nước mưa	30.940
	Tổng khối lượng	7.536.984

1.4. Khối lượng chất thải rắn sinh hoạt phát sinh từ hoạt động của Dự án khoảng 9.100 kg/năm.

2. Yêu cầu bảo vệ môi trường đối với việc lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt, chất thải công nghiệp thông thường, chất thải nguy hại, chất thải công nghiệp phải kiểm soát:

2.1. Hệ thống, công trình lưu giữ chất thải nguy hại, chất thải công nghiệp phải kiểm soát:

2.1.1. Thiết bị lưu chứa:

Trang bị các thùng nhựa HDPE và thùng phuy có nắp đậy kín để lưu giữ chất thải nguy hại, chất thải công nghiệp phải kiểm soát.

2.1.2. Khu vực lưu chứa:

- Diện khu vực lưu chứa: 18m².

- Thiết kế, cấu tạo của khu vực lưu chứa: Tường bao và mái tôn, nền bê tông có dán biển cảnh báo khu vực lưu chứa chất thải nguy hại.

Khu vực lưu giữ chất thải nguy hại phải trang bị các dụng cụ, thiết bị, vật liệu sau: có đầy đủ thiết bị, dụng cụ phòng cháy chữa cháy theo quy định pháp luật về phòng cháy chữa cháy; có vật liệu hấp thụ (như cát khô hoặc mùn cưa) và xẻng để sử dụng trong trường hợp rò rỉ, rơi vãi, đổ tràn chất thải nguy hại ở thể lỏng; có biển dấu hiệu cảnh báo, phòng ngừa phù hợp với loại chất thải nguy hại được lưu giữ theo Tiêu chuẩn Việt Nam về dấu hiệu cảnh báo liên quan đến chất thải nguy hại và có kích thước mỗi chiều tối thiểu 30 cm.

- Chủ dự án hợp đồng với đơn vị có chức năng để thu gom, vận chuyển, xử lý theo đúng quy định.



2.2. Hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn công nghiệp thông thường:

- Diện tích khu vực chứa: 1.420m² (trong nhà xưởng phân loại và lưu chứa rác - nhà 12).
- Thiết kế, cấu tạo của khu vực lưu chứa: Tường BTCT, mái tôn, nền bê tông.
- Kim loại chuyển giao cho các đơn vị thu gom phế liệu.
- Rác tro được chôn lấp tại hố chôn lấp của Dự án hoặc chuyển giao cho đơn vị có chức năng xử lý, tái chế thành vật liệu xây dựng, vật liệu san lấp.
- Bùn thải bề tự hoại định kỳ hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom vận chuyển và xử lý theo đúng quy định.
- Bùn nạo vét hệ thống thu gom, thoát nước mưa được thu gom định kỳ và bón cây trồng trong khuôn viên Dự án.

2.3. Hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt:

2.1.1. Thiết bị lưu chứa:

Trang bị các thùng nhựa HDPE loại 24 lít và 60 lít có nắp đậy kín để lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt.

2.1.2. Khu vực lưu chứa: Lưu chứa trong nhà xưởng tiếp nhận và phân loại rác (nhà 11) để xử lý cùng với chất thải rắn sinh hoạt được tiếp nhận.

B. YÊU CẦU VỀ PHÒNG NGỪA VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG

1. Tuân thủ quy định về quản lý chất thải theo quy định tại Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ; được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06 tháng 01 năm 2025 của Chính phủ; Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường; được sửa đổi, bổ sung bởi Thông tư số 07/2025/TT-BTNMT ngày 28 tháng 02 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường (Nay là Bộ Nông nghiệp và Môi trường)

2. Xây dựng, thực hiện phương án phòng ngừa, ứng phó đối với sự cố rò rỉ hóa chất, tràn dầu và các sự cố khác theo quy định pháp luật.

3. Thực hiện trách nhiệm phòng ngừa sự cố môi trường, chuẩn bị ứng phó sự cố môi trường, tổ chức ứng phó sự cố môi trường, phục hồi môi trường sau sự cố môi trường theo quy định tại Điều 122, Điều 124, Điều 125 và Điều 126 Luật Bảo vệ môi trường.

4. Có trách nhiệm ban hành và tổ chức thực hiện kế hoạch phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP, Nghị định số 05/2025/NĐ-CP và phù hợp với nội dung phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường trong Giấy phép môi trường này. Trường hợp kế

hoạch ứng phó sự cố môi trường được lồng ghép, tích hợp và phê duyệt cùng với kế hoạch ứng phó sự cố khác theo quy định tại điểm b khoản 6 Điều 124 Luật Bảo vệ môi trường thì phải bảo đảm có đầy đủ các nội dung theo quy định tại khoản 2 Điều 108 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP.

**Phụ lục 4****CÁC YÊU CẦU KHÁC VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG**

*(Kèm theo Giấy phép môi trường số **H8** /GPMT-UBND
ngày **29** tháng **01** năm 2026 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Trị)*

1. Quản lý các chất thải phát sinh trong quá trình hoạt động đảm bảo các yêu cầu về vệ sinh môi trường và theo đúng các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

2. Giảm thiểu chất thải phát sinh thông qua việc áp dụng các giải pháp tăng hiệu quả quản lý.

3. Thực hiện đầy đủ, nghiêm túc các biện pháp bảo vệ môi trường để kiểm soát, giảm thiểu mùi hôi trong quá trình hoạt động của Dự án. Tăng cường sử dụng chế phẩm sinh học tại các khu vực phát sinh mùi hôi,... nhằm giảm thiểu tối đa mùi hôi phát sinh từ chất thải, đảm bảo tuyệt đối không gây ảnh hưởng đến chất lượng môi trường xung quanh.

4. Nước thải được quản lý để tăng cường hiệu quả sử dụng tài nguyên nước, giảm thiểu tác động xấu đến môi trường.

5. Thường xuyên kiểm tra và thực hiện bảo trì, bảo dưỡng máy phát điện dự phòng hạn chế phát sinh khí thải; trong quá trình sử dụng máy phát điện dự phòng phải đảm bảo thông thoáng khí, tránh ô nhiễm khí thải cục bộ ảnh hưởng đến nhân viên vận hành.

6. Tuân thủ các quy định của pháp luật về an toàn lao động, phòng cháy chữa cháy theo quy định hiện hành.

7. Báo cáo công tác bảo vệ môi trường định kỳ hằng năm hoặc đột xuất; công khai thông tin môi trường và kế hoạch ứng phó sự cố môi trường theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP, Nghị định số 05/2025/NĐ-CP, Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT, Thông tư số 07/2025/TT-BTNMT và các quy định liên quan.

8. Thực hiện đúng và đầy đủ trách nhiệm theo quy định pháp luật về bảo vệ môi trường và các quy định pháp luật khác có liên quan. Trường hợp các văn bản quy phạm pháp luật, quy chuẩn kỹ thuật môi trường nêu tại Giấy phép môi trường này có sửa đổi, bổ sung hoặc được thay thế thì thực hiện theo quy định tại văn bản mới.

(Thông số kỹ thuật của các công trình bảo vệ môi trường nêu tại Phụ lục 1 và 3 của Giấy phép này căn cứ vào hồ sơ báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường và bản vẽ công trình bảo vệ môi trường do Chủ dự án cung cấp; Chủ dự án tự chịu trách nhiệm về tính chính xác của các thông số này)./.